NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN
Mã chứng khóan : STB

BIỂU SỐ: B03/TCTD
Ban hành theo QĐ số 16/2007/QĐ-NHNN
ngày 18/04/2007 của Thống đốc NHNN VN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 năm 2013

Đơn vị tính : VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước (*)	Năm nay	Năm trước (*)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Thu nhập lãi và các khỏan thu nhập tương tự	VI.14	3,855,923,885,189	4,114,470,556,251	16,074,764,215,041	16,631,311,492,640
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.15	2,326,132,290,593	2,384,768,539,414	9,664,369,565,095	10,387,039,430,773
I	**Thu nhập thuần từ lãi**		**1,529,791,594,596**	**1,729,702,016,837**	**6,410,394,649,946**	**6,244,272,061,867**
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		265,386,457,323	291,164,128,261	1,182,261,768,051	1,135,271,315,398
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		53,794,429,732	128,144,350,502	314,778,931,551	411,616,698,778
II	**Lãi / lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ**		**211,592,027,591**	**163,019,777,759**	**867,482,836,500**	**723,654,616,620**
III	**Lãi lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngọai hối**		**974,278,944**	**(24,444,000,015)**	**(210,336,781,843)**	**183,355,438,111**
IV	**Lãi lỗ thuần từ mua bán chứng khóan kinh doanh**	VI.16	**(45,029,292,600)**	**23,621,709,514**	**(67,759,947,858)**	**3,585,285,760**
IV	**Lãi lỗ thuần từ mua bán chứng khóan đầu tư**	VI.17	**(70,619,024,994)**	**(255,215,758,023)**	**26,373,533,691**	**(387,087,030,085)**
5	Thu nhập từ họat động khác		26,932,258,735	(25,067,027,219)	145,200,299,791	38,137,786,588
6	Chi phí họat động khác		2,401,153,672	53,968,743,462	7,843,631,924	80,163,961,734
VI	**Lãi / lỗ thuần từ họat động khác**		**24,531,105,063**	**(79,035,770,681)**	**137,356,667,867**	**(42,026,175,146)**
VII	**Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**	VI.18	**62,553,733,827**	**(121,767,332,004)**	**195,680,632,027**	**14,830,401,492**
VIII	**Chi phí hoạt động**	VI.19	**1,014,661,848,715**	**1,376,982,743,055**	**4,088,168,063,831**	**4,092,172,463,080**
IX	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước dự phòng rủi ro tín dụng**		**699,132,573,712**	**58,897,900,332**	**3,271,023,526,499**	**2,648,412,135,539**
X	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**		**23,339,363,247**	**851,549,394,091**	**433,452,469,941**	**1,333,854,664,002**
XI	**Tổng lợi nhuận trước thuế**		**675,793,210,465**	**(792,651,493,759)**	**2,837,571,056,558**	**1,314,557,471,537**
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.12	(49,161,412,347)	83,944,314,057	476,954,377,220	636,068,750,860
8	Chi phí thuế thu nhập DN hõan lại		204,669,361,150	(308,915,125,183)	204,669,361,150	(308,915,125,183)
XII	**Chi phí thuế TNDN**		**155,507,948,803**	**(224,970,811,126)**	**681,623,738,370**	**327,153,625,677**
XIII	**Lợi nhuận sau thuế**		**520,285,261,662**	**(567,680,682,633)**	**2,155,947,318,188**	**987,403,845,860**
XIV	**Lợi ích của cổ đông thiểu số**					
XV	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)**					

***Ghi chú**: (*) Cập nhật theo số liệu trên báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán.*

TP.HCM, ngày 14 tháng 02 năm 2014

Người lập	Kế toán trưởng	KT.Tổng Giám Đốc Phó Tổng Giám Đốc
Lê Thị Huyền	**Huỳnh Thanh Giang**	**Hà Văn Trung**

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN – S.Đ.K.K.D 0301103908 – QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH